TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 143/2024/HS-ST Ngày 31/12/2024	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Nết – Cán bộ Liên đoàn Lao động huyện Lục Nam.

- Ông Nguyễn Hữu Huân – Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngọ Thị Thanh Hà - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1 Họ và tên: Tăng H, sinh năm 2002. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12.; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Tăng Văn T, sinh năm 1975; mẹ đẻ: Dương Thị T1, sinh năm 1977; gia đình bị cáo có 03 chị em, bản thân bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L. (Có mặt).

2. Họ và tên: Lý Văn S, sinh năm 2001. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Lý Văn N, sinh năm 1979; mẹ đẻ: Trần Thị V, sinh năm 1980; gia đình bị cáo có 03 chị em, bản thân bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; vợ: Lê Thị N1, sinh năm 2002; bị cáo có 01 con, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L. (Có mặt).

3. Họ và tên: Dương Xuân H, sinh năm 2002. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Dương Xuân H1, sinh năm 1978; mẹ đẻ: Lê Thị T2, sinh năm 1981; gia đình bị cáo có 2 anh em, bản thân là con thứ nhất trong gia đình; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L. (Có mặt).

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 2001. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú:Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: Lớp 08/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; bố đẻ: Nguyễn Mạnh H3, sinh năm 1978; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H4, sinh năm 1980; gia đình bị cáo có 04 chị em, bản thân là con thứ 3 trong gia đình; chồng, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/10/2024 Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 132/QĐ-XPHC 18/11/2019 của Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trần Xuân H5, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP T, thị trấn Đ, huyện L.

- Chị Lê Thị N1, sinh năm 2002 (có mặt).

Địa chỉ: Trại L, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 40 phút ngày 24/7/2024, tại phòng 301, tầng C nhà nghỉ T6, thuộc tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang phối hợp cùng Công an thị trấn Đ tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Lý Văn S, sinh năm 2001 ở thôn T, Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 2004 ở thôn Đ cùng xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tăng Hải N2, sinh năm 2002 ở Tổ dân phố V, Dương Xuân H, sinh năm 2002 ở tổ dân phố G cùng ở thị trấn Đ, huyện L đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: T4 tại giường ngủ (cạnh cửa sổ) 01 coóng thủy tinh màu trắng, một đầu gắn với đoạn ống hút nhựa màu xanh, tím và trắng đục. Trong coóng thủy tinh bám dính chất màu đen; 01 vỏ túi nilon bị xé rách bên trong không đựng gì; 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng được cắt vát chéo được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT1"'; 01 chai nhựa màu trắng thu giữ tại cửa sổ; 01 bật lửa màu đỏ; Thu giữ của Tăng Hải Nam 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng gold được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT2"; Thu giữ của Nguyễn Thị Thu H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT3" và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen được niêm phong trong phong bì "QT4"; Thu giữ của Lý Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, promax màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu "QT5"; 01 xe máy nhãn hiệu honda Vison màu xanh than có biển kiểm soát: 98F1 30424; Thu giữ của Dương Xuân H 01 thẻ căn cước công dân mang tên Dương Xuân H.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã thu giữ mẫu nước tiểu của Dương Xuân H được niêm phong trong chai nhựa màu trắng, ký hiệu "M1"; mẫu nước tiểu Lý Văn S, được niêm phong trong chai nhựa màu trắng ký hiệu "M2", mẫu nước tiểu của Tăng Hải N2, ký hiệu "M3"; mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị Thu H2, ký hiệu "M4" phục vụ công tác giám định.

Tại kết luận giám định số 1666/KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Trong 01 phong bì có ký hiệu "QT1" đã được niêm phong gửi giám định: Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu chất màu đen, bám dính trong 01 coóng thủy tinh một đầu gắn đoạn ống hút nhựa màu xanh, không xác định được khối lượng; Trong các chai nhựa màu

trắng, có nắp đậy, ký hiệu "M1", "M2", "M3", "M4" đã được niêm phong gửi giám định: Tìm thấy chất ma túy Methamphetmine trong các mẫu chất lỏng màu vàng (nước tiểu) của Dương Xuân H, Lý Văn S, Tăng Hải N2 và Nguyễn Thị Thu H2.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2024, Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang thuê phòng 301 nhà nghỉ T6 do anh Trần Xuân H5, sinh năm 1990, trú tại TDP T, thị trấn Đ, huyện L cho Nguyễn Thị Thu H2, Tăng Hải N2 và Dương Xuân H nghỉ. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/7/2024, do bản thân có nhu cầu sử dụng ma túy nên Lý Văn S có nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho Nguyễn Thị Thu H2 để nhờ H2 mua hộ 300.000 đồng ma túy. H2 đồng ý và hẹn S đến nhà nghỉ T6 để lấy. Tại phòng 301, H2 nhờ N2 tìm chỗ mua ma túy cho S, N2 đồng ý. Sau đó, N2 gọi điện qua ứng dụng messenger cho Nguyễn Ngọc T3 để xin số điện thoại người bán ma túy tên L1. Sau khi được T3 cho số điện thoại, N2 gọi điện thoại cho L1 để hỏi mua ma túy. L1 hẹn N2 đi đến cổng công ty M để mua bán ma túy. Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, S đến phòng 301 nhà nghỉ T6, tại đây H2 bảo S đưa tiền cho N2 để mua ma túy, S chuyển khoản cho N2 số tiền 300.000 đồng, mục đích mua ma túy cho mọi người cùng sử dụng. N2 mượn xe máy BKS: 98F1- 30424 của S, rồi cùng H đi đến cổng Công ty M để mua ma túy. Tại khu vực cổng công ty M, N2 và H gặp L1. Nam chuyển khoản số tiền 300.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của N2 đến tài khoản Ngân hàng TMCP Q (M1) số 2112233668888 để mua ma túy. Sau đó, L1 chỉ xuống dưới đất có 01 túi nilon đựng ma túy, H nhặt túi nilon đựng ma túy lên rồi cùng N2 đi về phòng của Lê Việt H6, sinh năm 2001, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 coóng thủy tinh màu trắng, 01 nắp chai nhựa màu trắng đã được đục 02 lỗ từ trước và một số đoạn ống hút màu xanh, màu tím và 01 bật lửa mang về phòng 301 nhà nghỉ T6. Khi về đến phòng 301, H có lấy túi nilon chứa ma túy đá bỏ ra giường cho S xem. S cầm túi ma túy lên xem rồi đưa lại cho N2, N2 lấy nắp nhựa màu vàng được gắn với coong thủy tinh, ống hút nhựa rồi nắp vào chai nước có sẵn trong nhà nghỉ thành bộ dụng cụ để sử dụng ma túy. Khi lắp xong N2 đổ túi nilon đựng ma túy ra bộ coóng thủy tinh rồi châm lửa nấu ma túy trên coóng, Nam sử dụng ma túy đầu tiên bằng hình thức hút khói ma túy đá trong chai nhựa vào cơ thể. sau đó N2 đưa cho S, S đưa cho H, H đưa cho H2 lần lượt cùng sử dụng ma túy đá. Khi N2, Học H7, S đang sử dụng ma túy thì bị lượng lượng Công an kiểm tra bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên .

Cơ quan điều tra đã cho Tăng Hải N2 thực nghiệm hành vi lắp bộ dụng cụ, chế biến và sử dụng ma tuý, kết quả N2 thực hiện thuần thục hành vi chế biến ma tuý để sử dụng, phù hợp với lời khai của các bị cáo.

Tiến hành xác minh, sao kê tài khoản Ngân hàng M1, xác định chủ tài khoản là anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 trú tại thôn H, xã C, huyện L. Anh L khai không biết lý do tại sao Tăng Hải N2 lại chuyển 300.000 đồng vào tài khoản của anh, đồng thời anh L đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 300.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn L.

Tiến hành tra cứu và xác định số điện thoại 0386281381 mà N2 gọi để hỏi mua ma túy là số điện thoại của Tô Xuân L1, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố M, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình điều tra Tô Xuân L1 khai trước đây có sử dụng số điện thoại 0386281381 nhưng đã làm mất điện thoại bên trong có chứa sim số điện thoại trên từ đầu năm 2024, hiện nay L1 không còn sử dụng số điện thoại trên. L1 không thừa nhận việc bán ma túy cho N2 vào ngày 24/7/2024. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L1 và N2 đối chất nhưng L1 và N2 đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của N2 không có chứng cứ nào khác chứng minh việc Tô Xuân L1 là người bán ma túy cho N2 vào ngày 24/7/2024 nên không có căn cứ để xử lý Tô Xuân L1 về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tăng Hải N2.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T3 là người đã thuê phòng 301 nhà nghỉ T6 cho N2, H7, H nghỉ ngơi, khi thuê phòng T3 không biết các sẽ bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra N2 khai T3 là người cho N2 số điện thoại của L1 để N2 mua ma túy. Tuy nhiên T3 khai không cho N2 số điện thoại của người bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N2 và T3 đối chất nhưng N2 và T3 vẫn giữ nguyên lời khai. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Ngọc T3.

Về nguồn gốc của bộ coóng thủy tinh của mà N2 và H lấy từ phòng trọ của Lê Việt H6, H6 khai khi H6 thuê phòng đã có sẵn trong phòng trọ của H6, H6 không biết việc N2 và H đến nhà H6 để lấy bộ coóng thủy tinh để sử dụng ma túy. Bản thân N2 và H khai không nói trước cho H6 biết việc sẽ đến nhà H6 để lấy bộ coóng thủy tinh. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với H6.

Đối với anh Trần Xuân H5, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ T6. Anh H5 không biết các bị cáo S, H7, N2, H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ 301 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Tuy nhiên anh H5 là chủ quản lý nhà nghỉ T6, để xảy ra việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND huyện L xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Trần Xuân H5 theo quy định.

Đối với chị Đặng Thị T5, sinh năm 1982, trú tại thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là người được thuê để quản lý nhà nghỉ T6. Quá trình điều tra xác định chị T5 không biết các đối tượng thuê phòng nghỉ ngày 24/7/2024 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý.

Đối với chiếc xe máy BKS: 98F1- 304.24 là tài sản của chị Lê Thị N1, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang là vợ của Lý Văn S. Chiếc xe trên chị mua năm 2020 trước khi kết hôn. Chị không biết việc S cho N2 và H mượn chiếc xe trên để đi mua ma túy. Ngày 18/11/2024 Cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị N1 (BL 311-312).

Đối với số vật chứng của vụ án và tài sản Cơ quan điều tra đã thu giữ (chưa được xử lý) chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam để bảo quản, chờ xử lý.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như trên.

* Tại bản Cáo trạng số: 136/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố các bị cáo: Lý Văn S, Tăng Hải N2, Dương Xuân H, Nguyễn Thị Thu H2 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (viết tắt là BLHS).

- Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng. Các bị cáo xác nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Ngoài ra các bị cáo còn trình bày:

- Bị cáo Tăng Hải N2 trình bày: Trưa ngày 24/7/2024 khi đang nghỉ tại nhà nghỉ T6 cùng H2 và H. Bị cáo nghe H2 nói chuyện với một ai đó, sau đó H2 hỏi có bị cáo có biết chỗ mua ma tuý không? Bị cáo trả lời biết và mượn điện thoại của H2 hỏi mua ma tuý. Một lúc sau có người lên phòng nghỉ gặp H2. H2 giới thiệu là S, anh em chơi cùng. S đã trao đổi việc mua ma tuý về cùng sử dụng. S đã chuyển tiền cho bị cáo 300.000 đồng. Do điện thoại của bị cáo hỏng, nên bị cáo mượn điện thoại của H2 để giao dịch mua ma tuý. Bị cáo mượn xe mô tô của S, rồi cùng H ra cổng Công ty M mua ma tuý. Tại cổng Công ty M, bị cáo chuyển khoản cho người bán ma tuý 300.000 đồng, người bán ma tuý nói: Hàng ở dưới đất, dưới lá cây. H đã nhặt gói ma tuý dưới đất và cất đi. Bị cáo cùng H đến nhà trọ của H5 lấy coóng, ống hút mang về phòng 301. Tại phòng 301, H đưa ma tuý cho S. S để ma tuý ra giường. Bị cáo lấy ma tuý, cho vào coóng và bật lửa hút; hút xong bị cáo đưa cho S, S hút xong đưa cho H, H hút xong đưa cho H2; H2 hút xong một lúc thì bị bắt.

Điện thoại của bị cáo bị hỏng, bị cáo không liên lạc để mua ma tuý; bị cáo mượn điện thoại của H2 để giao dịch mua ma tuý.

- Bị cáo Lý Văn S khai: Trưa ngày 24/7/2024 bị cáo nhắn tin qua điện thoại cho H2, hỏi H2 biết chỗ mua ma túy không. H2 trả lời biết. Bị cáo đã đến phong C, nhà nghỉ T6 gặp H2, N2 và H. Tại đây, bị cáo đã chuyển khoản cho N2 300.000 nhờ mua ma tuý về cùng sử dụng. N2 mượn xe mô tô của bị cáo đi mua ma tuý; khoảng 15 phút sau N2 và H quay lại, H đưa ma tuy cho bị cáo, bị cáo cầm ma tuý và để ở giường. N2 lấy ma tuý cho vào coóng và châm lửa hút, xong Nam đưa cho bị cáo, bị cáo hút một hơi và đưa cho H; Học hút xong đưa cho H2; H2 hút xong một lúc thì bị bắt.

- Bị cáo Dương Xuân H khai: Trưa ngày 24/7/2024, bị cáo cùng N2 đi mua ma tuý tại cổng Công ty M; N2 là người giao dịch, chuyển tiền cho người bán ma tuý; bị cáo nhặt ma tuý dưới đất và cất vào túi quần rồi cùng N2 đến phòng trọ của H5 lấy coóng, ống hút. Khi quay trở lại phòng nghỉ, bị cáo đưa ma tuý cho S, S cầm ma tuý để xuống giường; N2 đã cho ma tuý vào coóng và châm lửa hút, xong đến S hút, S đưa cho bị cáo, bị cáo hút một hơi rồi đưa cho H2; H2 hút xong một lúc thì bị bắt. H2 hút cuối cùng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H2 khai: Trưa ngày 24/7/2024, bị cáo cùng N2, H đang nghỉ ở nhà nghỉ T6, thì S nhắn tin cho bị cáo hỏi có biết chỗ mua ma tuý không; bị cáo hỏi N2 có biết chỗ mua ma tuý không. N2 trả lời biết. Bị cáo đã trả lời S là biết và hẹn S đến nhà nghỉ T6. Một lúc sau S đến, bị cáo đã giới thiệu S với N2 và H; S đã chuyển tiền cho N2 qua tài khoản; N2 mượn điện thoại của bị cáo giao dịch hỏi mua ma tuý. N2 và H đi mua ma tuý, một lúc sau N2 và H về mang theo ma tuý. Bị cáo đã cùng N2, H và S sử dụng ma tuý tại phòng nghỉ.

Bị cáo liên hệ với S qua điện thoại OPPO và cho N2 mượn điện thoại OPPO để N2 giao dịch mua ma tuý.

Điện thoại Nokia bị cáo không sử dụng vào việc mua ma tuý.

- Chị Lê Thị N1 khai: Bị cáo Lý Văn S là chồng chị; chị không biết S sử dụng xe mô tô của chị vào việc mua bán ma tuý. Chị đã nhận lại được xe mô tô, chị không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và các Điều 17, 38 và 58 của Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS);

Xử phạt bị cáo Lý Văn S từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 17, 38 và 58 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Tăng Hải N2 từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 17, 38 và 58 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H2 từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 09 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 và Điều 17, 38 và 58 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Dương Xuân H từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư được dán kín ký hiệu ‘QT1” bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 chai nhựa màu trắng; 01 bật lửa màu đỏ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 300.000 đồng đã được gửi vào tài khoản số 399090486646.00000 của Công an huyện L; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh, có số imei: 86519405343365; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu trắng có số imei: 3588636770316.

- Trả lại bị cáo Tăng Hải N2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng Gold, cố số imei: 353314073636100, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu H2 01 điện thoại di động N3 màu đen có số imei: 35775110897741, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Dương Xuân H 01 căn cước công dân mang tên Dương Xuân H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS;

Điều 12 và Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo H2, H và N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí cho bị cáo S.

* Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Các bị cáo S, H2, N2, H không tranh luận đối đáp gì với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

* Kết thúc tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo S, H2, N2, H đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ 40 phút ngày 24/7/2024, tại phòng 301, tầng C nhà nghỉ T6, thuộc tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang phối hợp cùng Công an thị trấn Đ tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Lý Văn S, Nguyễn Thị Thu H2, Tăng Hải N2 và Dương Xuân H đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 coóng thủy tinh màu trắng có bám dính chất ma tuý Methamphetmine. Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Thị Thu H2 có hành vi nhờ N2 mua ma tuý cho S để cùng nhau sử dụng. S có hành vi chuyển cho N2 300.000 đồng N2 mua ma túy; N2 và H có hành vi cùng nhau đi mua ma túy và lấy công cụ sử dụng ma

túy về phòng 301, nhà nghỉ T6 để tổ chức sử dụng ma túy. Tại phòng 301, N2 là người chế biến ma túy cho bản thân và các bị can S, H2, H cùng sử dụng trái phép chất ma tuý.

Các bị cáo cùng bàn bạc rủ nhau mua ma tuý về sử dụng tại nhà nghỉ T7. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, được quy định tại Điều 255 của BLHS.

Các bị cáo giao dịch mua ma tuý, chuẩn bị ma tuý, công cụ sử dụng cho cả 4 bị cáo về cùng sử dụng. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS với tình tiết định khung: Đối với 2 người trở lên.

Vì vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự tại địa phương. Methamphetamine là chất ma túy, gây nguy hại cho người sử dụng, ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh con người và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn trong xã hội. Các bị cáo chỉ vì động cơ, mục đích thoả mãn nhu cầu cá nhân đã tụ tập tổ chức rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, đi vào con đường vi phạm pháp luật. Chứng tỏ các bị cáo là người rất coi thường pháp luật. Do đó, phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù, phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo cùng rủ nhau thực hiện một tội phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có người chủ mưu, cầm đầu, nên không có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức. Mà hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của BLHS.

[4]. Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo thấy:

[4.1]. Bị cáo Tăng Hải N2 có vai trò chính. Bị cáo N2 được bị cáo H2 hỏi đi mua ma tuý, bị cáo đã đồng ý ngay và gọi điện thoại liên lạc mua ma tuý, nhận tiền của S; rủ H cùng đi mua ma tuý, đưa H đi lấy dụng cụ (coóng, ống hút), về phòng 301 thì bị cáo chủ động pha ma tuý cho các bị cáo khác cùng sử dụng.

Do đó phải xử phạt tù nghiêm đối với bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù giam mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[4.2]. Đứng tiếp theo là bị cáo Lý Văn S. Bị cáo S là người chủ động liên hệ nhờ H2 mua ma tuý, bỏ tiền 300.000 đồng mua ma tuý và cùng thống nhất với các bị cáo khác sau khi mua ma tuý về thì cùng sử dụng tại nhà nghỉ, đưa xe mô tô cho bị cáo N2 để N2 mua ma tuý; sau khi sử dụng ma tuý xong, bị cáo đã đưa cho H sử dụng.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông và bà được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù giam mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[4.3]. Các bị cáo Dương Xuân H và Nguyễn Thị Thu H2 có vai trò như nhau.

Khi được bị cáo S nhờ đi mua ma tuý, bị cáo H2 đã đồng ý ngay và hỏi bị cáo N2 tìm chỗ mua ma tuý; bị cáo H2 trao đổi cùng bị cáo S và bị cáo N2 để chuyển tiền cho bị cáo N2 mua ma tuý, cho bị cáo N2 mượn điện thoại để giao dịch mua ma tuý; thống nhất cùng các bị cáo khác sau khi mua ma tuý về thì cùng sử dụng.

Bị cáo H đã đi cùng bị cáo N2 mua ma tuý, trực tiếp nhận ma tuý của người bán; sau khi mua ma tuý xong đã đi lấy dụng cụ về để sử dụng; khi bị cáo sử dụng ma tuý xong, đã đưa cho H2 sử dụng.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Tuy nhiên bị cáo H2 có nhân thân:

+ Ngày 11/10/2024 Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 132/QĐ-XPHC 18/11/2029 của Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự trong thời gian từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 01 năm 2024 là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy cần phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù giam mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Mặc dù 2 bị cáo có vai trò như nhau, nhưng bị cáo H2 có nhân thân không tốt; bị cáo H có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Nên xử phạt bị cáo H ở mức độ nhẹ hơn bị cáo H2 là phù hợp.

Do 4 bị cáo đang bị tạm giam. Nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam 4 bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo và cũng thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[8] Về các nội dung khác:

Quá trình điều tra Tô Xuân L1 khai trước đây có sử dụng số điện thoại 0386281381 nhưng đã làm mất điện thoại bên trong có chứa sim số điện thoại trên từ đầu năm 2024, hiện nay L1 không còn sử dụng số điện thoại trên. L1 không thừa nhận việc bán ma túy cho N2 vào ngày 24/7/2024. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho L1 và N2 đối chất nhưng L1 và N2 đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của N2 không có chứng cứ nào khác chứng minh việc Tô Xuân L1 là người bán ma túy cho N2 vào ngày 24/7/2024 nên không có căn cứ để xử lý Tô Xuân L1 về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tăng Hải N2.

Đối với anh Nguyễn Ngọc T3 là người đã thuê phòng 301 nhà nghỉ T6 cho N2, H2, H nghỉ ngơi, khi thuê phòng T3 không biết các sẽ bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra N2 khai T3 là người cho N2 số điện thoại của L1 để N2 mua ma túy. Tuy nhiên T3 khai không cho N2 số điện thoại của người bán ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho N2 và T3 đối chất nhưng N2 và T3 vẫn giữ nguyên lời khai. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Ngọc T3.

Về nguồn gốc của bộ coóng thủy tinh của mà N2 và H lấy từ phòng trọ của Lê Việt H6, H6 khai khi H6 thuê phòng đã có sẵn trong phòng trọ của H6, H6 không biết việc N2 và H đến nhà H6 để lấy bộ coóng thủy tinh để sử dụng ma túy. Bản thân N2 và H khai không nói trước cho H6 biết việc sẽ đến nhà H6 để lấy bộ coóng thủy tinh. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với H6 và cũng không cần thiết xác định H6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với anh Trần Xuân H5, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là chủ nhà nghỉ T6. Anh H5 không biết các bị can S, H2, N2, H tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng nghỉ 301 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Tuy nhiên anh H5 là chủ quản lý nhà nghỉ T6, để xảy ra việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Trần Xuân H5 theo quy định là phù hợp.

Đối với chị Đặng Thị T5, sinh năm 1982, trú tại thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là người được thuê để quản lý nhà nghỉ T6. Quá trình điều tra xác định chị T5 không biết các đối tượng thuê phòng nghỉ ngày 24/7/2024 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy BKS: 98F1- 304.24 là tài sản của chị Lê Thị N1, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang là vợ của Lý Văn S. Chiếc xe trên chị mua năm 2020 trước khi kết hôn. Chị không biết việc S cho N2 và H mượn chiếc xe trên để đi mua ma túy. Ngày 18/11/2024 Cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị N1 là đúng quy định.

[10] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Tăng Hải N2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng gold có số Imei: 353314073636100 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu H2: 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia màu đen có số Imei: 357751108977411 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Dương Xuân H 01 căn cước công dân mang tên Dương Xuân H.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các tài sản sau: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã được gửi vào tài khoản số 399090486646.00000 của Công an huyện L, 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu trắng có số Imei: 35886367703416 (đã qua sử dụng, camera mặt sau bị vỡ nứt) của bị cáo Lý Văn S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số Imei: 865194053433657 (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Thị Thu H2.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong ký hiệu "QT" bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng K Công an tỉnh B; 01 chai nhựa màu trắng, 01 bật lửa màu đỏ.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo N2, H và H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo S là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn tiền án phí cho bị cáo S.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tăng Hải N2: 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/7/2024

2. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Văn S: 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/7/2024.

3. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H2: 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/7/2024

4. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Xuân H: 07 (bẩy) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/7/2024

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

5. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Tăng Hải N2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng gold có số Imei: 353314073636100 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu H2: 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Nokia màu đen có số Imei: 357751108977411 (đã qua sử dụng). Nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Trả lại bị cáo Dương Xuân H 01 căn cước công dân mang tên Dương Xuân H.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các tài sản sau: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã được gửi vào tài khoản số 399090486646.00000 của Công an huyện L, 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu trắng có số Imei: 35886367703416 (đã qua sử dụng, camera mặt sau bị vỡ nứt) của bị cáo Lý Văn S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số Imei: 865194053433657 (đã qua sử dụng) của bị cáo Nguyễn Thị Thu H2.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong ký hiệu "QT" bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng K Công an tỉnh B; 01 chai nhựa màu trắng, 01 bật lửa màu đỏ.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Tăng Hải N2, Dương Xuân H và Nguyễn Thị Thu H2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Miễn tiền án phí cho bị cáo Lý Văn S.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Vô Tranh, huyện Lục Nam;
- UBND TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh